

Số: 140/QĐ-ĐHHD

Hải Dương, ngày 16 tháng 5 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Chương trình đào tạo trình độ đại học Ngôn ngữ Anh

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẢI DƯƠNG

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 Quyết định phê duyệt khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 1258/QĐ-TTg ngày 26/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Hải Dương trên cơ sở nâng cấp Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Hải Dương; Quyết định số 378/QĐ-TTg ngày 01/3/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Hải Dương thành Trường Đại học Hải Dương;

Căn cứ Biên bản nghiệm thu Chương trình đào tạo và đề cương chi tiết các ngành trình độ đại học của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường Đại học Hải Dương;

Theo đề nghị của Thường trực Hội đồng khoa học và Đào tạo Trường Đại học Hải Dương.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Anh, mã ngành: 7220201 (có Chương trình đào tạo kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế các quyết định trước đây về ban hành Chương trình đào tạo trình độ đại học Ngôn ngữ Anh của Trường Đại học Hải Dương. Các khoa, phòng chức năng căn cứ Chương trình đào tạo để xây dựng kế hoạch đào tạo, tuyển sinh theo quy định hiện hành.



Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng Đào tạo Đại học và Sau Đại học, Trưởng các khoa chuyên môn và các bộ phận có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *WV*

Nơi nhận:

- Hội đồng trường (để b/c);
- BGH (để chỉ đạo);
- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Lưu: VT, ĐTĐH&SDH.

HIỆU TRƯỞNG



TS. Vũ Đức Lễ



**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH NGÔN NGỮ ANH CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẢI DƯƠNG**

Mã số: 7220201

(Ban hành kèm theo Quyết định số 140/QĐ-ĐHHD ngày 16 tháng 5 năm 2022
của Trường Đại học Hải Dương)

Tên chương trình: Ngôn ngữ Anh

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Anh

Mã ngành đào tạo: 7220201

Loại hình đào tạo: Chính quy

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân Ngôn ngữ Anh theo định hướng chú trọng vào các kỹ năng thực hành; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp và sức khỏe tốt; nắm vững kiến thức cơ sở về ngôn ngữ, kiến thức chuyên sâu về Tiếng Anh thương mại; nắm vững kiến thức tổng quát về kinh tế và kinh doanh; có các kỹ năng tư duy, kỹ năng học vấn và kỹ năng liên nhân; có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo, đánh giá và giải quyết vấn đề liên quan đến ngôn ngữ và thương mại.

1.2. Mục tiêu cụ thể

- Đào tạo cử nhân Tiếng Anh có khả năng vận dụng vào thực tế các kiến thức nền tảng về khoa học xã hội, chính trị, pháp luật và CNTT, kiến thức chuyên sâu về tiếng Anh thương mại; kiến thức cơ bản về ngôn ngữ và văn hóa Việt và Anh; kiến thức tổng quát về kinh tế - thương mại.

- Đào tạo cử nhân Ngôn ngữ Anh có khả năng thực hành thuần thục các kỹ năng trong lĩnh vực Tiếng Anh thương mại; kỹ năng tư duy nhằm phân tích, tổng hợp, đánh giá và giải quyết các vấn đề trong các tình huống khác nhau, kỹ năng biên-phiên dịch và soạn thảo các văn bản thương mại; kỹ năng liên nhân nhằm phát triển khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, giao tiếp và ứng xử; kỹ năng giao tiếp cơ bản bằng tiếng Trung; Đạt chuẩn tiếng Anh tương đương bậc 5 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam; Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo Quy định về yêu cầu chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin đối với sinh viên trình độ đại học hệ chính quy.

- Đào tạo cử nhân Ngôn ngữ Anh có năng lực tự chủ và trách nhiệm

2. Chuẩn đầu ra

Sinh viên tốt nghiệp ngành Ngôn ngữ Anh, chuyên ngành Tiếng Anh thương mại trình độ đại học phải đạt được các yêu cầu năng lực tối thiểu sau đây:

* Chuẩn về kiến thức

PLO1: *Diễn giải và giải thích được* các vấn đề khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật để vận dụng vào thực tiễn;

PLO2: *Áp dụng* kiến thức về ngôn ngữ Anh và Việt để thụ đắc ngôn ngữ Anh;

PLO3: *Vận dụng* kiến thức về văn hóa Việt Nam và văn hóa các nước nói tiếng Anh vào giao tiếp liên văn hóa;

PLO4: *Sử dụng thành thạo* tiếng Anh để giao tiếp theo các hình thức khác nhau trong môi trường kinh doanh thương mại;

PLO5: *Vận dụng* kiến thức kinh tế - thương mại vào các tình huống kinh doanh trong môi trường kinh doanh quốc tế.

* Chuẩn về kỹ năng

PLO6: *Thực hành thành thạo* các kỹ năng tư duy, phân tích tổng hợp, đánh giá và giải quyết vấn đề trong các tình huống công việc;

PLO7: *Thực hiện* các kỹ năng học vấn: biên - phiên dịch, soạn thảo các văn bản thương mại;

PLO8: *Thực hành thành thạo* các kỹ năng cá nhân và liên nhân: tự học, tự nghiên cứu. *Phối hợp* làm việc theo nhóm, làm việc độc lập;

PLO9: *Đàm phán, diễn thuyết*, ứng xử và giao tiếp có hiệu quả.

PLO10: *Định hướng*, tổ chức và điều hành các hoạt động có liên quan đến chuyên môn;

PLO11: *Đề xuất* kế hoạch, *điều phối*, *quản lý* các nguồn lực, *đánh giá*, *cải thiện* hiệu quả các hoạt động chuyên môn có liên quan;

PLO12: *Đạt chuẩn* đầu ra tiếng Anh theo qui định ở trình độ tương đương bậc 5 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam; *Sử dụng* tiếng Trung để giao tiếp trong các tình huống giao tiếp thông thường;

PLO13: *Đạt chuẩn* kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định về yêu cầu chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin đối với sinh viên trình độ đại học hệ chính quy.

* Chuẩn về năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm

PLO14: Có ý thức *tự học* và tích cực cập nhật, *phát triển* và *vận dụng* các kiến thức mới có liên quan.

PLO15: *Hiểu biết* về pháp luật, tuân thủ luật pháp. *Tự định hướng, tự thích nghi* với môi trường làm việc khác nhau; *tự hoàn thiện và phát triển* các kiến thức nhằm nâng cao năng lực bản thân và vận dụng vào công tác chuyên môn.

PLO16: *Có tinh thần hợp tác*. Có tác phong làm việc chuyên nghiệp và *tinh thần trách nhiệm* cao đối với cá nhân, đơn vị và cộng đồng.

3. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 120 tín chỉ

4. Đối tượng tuyển sinh

Thực hiện theo quy chế hiện hành của Bộ giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh của Trường Đại học Hải Dương.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Thực hiện theo quy chế hiện hành của Bộ giáo dục và Đào tạo và quy định của Trường Đại học Hải Dương về đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.

6. Vị trí việc làm sau tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp ngành Ngôn ngữ Anh chuyên ngành Tiếng Anh thương mại bậc đại học, các cử nhân có khả năng:

- Làm việc tại các doanh nghiệp trong nước có thông thương, hợp tác quốc tế; các doanh nghiệp, cơ quan trong lĩnh vực du lịch - khách sạn; các nhà máy có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam;

- Đảm nhận được công việc tại các sở ban ngành, các cơ quan nhà nước và các tổ chức trong và ngoài nước liên quan đến việc sử dụng tiếng Anh;

- Đảm nhận được công việc tại các cơ quan nghiên cứu ngôn ngữ - văn hoá trong và ngoài nước có sử dụng tiếng Anh;

- Đảm nhận được công việc tại các tập đoàn, công ty, doanh nghiệp có liên quan đến công việc giao tiếp quốc tế, đối ngoại, phiên dịch hay biên dịch;

- Giảng dạy tiếng Anh (nếu có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm);

- Thư ký, trợ lý giám đốc...

7. Cách thức đánh giá

Thực hiện theo quy chế hiện hành của Bộ giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Hải Dương.

8. Nội dung chương trình

8.1. Cấu trúc kiến thức

TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			
			LT, BT (giờ)	TH/TN /TL (giờ)	TT/ĐA/ KL (giờ)	
1	Kiến thức giáo dục đại cương tối thiểu (chưa bao gồm GDTC&GDQPAN)	37	475	160	0	
	Trong đó: Phần bắt buộc	35	450	150	0	
	Phần lựa chọn	2	25	10	0	
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp tối thiểu	83	870	450	500	
	Trong đó: 1. Kiến thức cơ sở ngành	25	285	180	0	
	2.1.1. Phần bắt buộc	19	210	150	0	
	2.1.2. Phần lựa chọn	6	75	30	0	
	2. Kiến thức chuyên ngành	38	455	230	0	
	2.2.1. Phần bắt buộc	32	380	200	0	
	2.2.2. Phần lựa chọn	6	75	30	0	
	3. Kiến thức bổ trợ	10	130	40	0	
	2.3.1. Phần bắt buộc	5	65	20	0	
	2.3.2. Phần lựa chọn	5	65	20	0	
	4. Thực tập và Khóa luận tốt nghiệp	10	0	0	500	
	Tổng số		120	1.345	610	500

8.2. Khung chương trình

TT	Mã học phần	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Số tín chỉ		
				LT/ BT (giờ)	TH/TN /TL (giờ)	TT/ĐA/ KL (giờ)
1. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG: 37 TC (chưa bao gồm GDTC&GDQPAN)						
1.1. Giáo dục đại cương			37	475	160	0
1.1.1. Phần bắt buộc			35	450	150	0
1	111901	Triết học Mác - Lênin (Philosophy of Marxsim and Leninism)	3	45	0	0
2	111902	Kinh tế chính trị Mác - Lênin (Political economics of Marxism and Leninism)	2	30	0	0

TT	Mã học phần	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Số tín chỉ		
				LT/ BT (giờ)	TH/TN /TL (giờ)	TT/ĐA/ KL (giờ)
3	111903	Chủ nghĩa xã hội khoa học (Scientific socialism)	2	30	0	0
4	111904	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (History of Vietnamese communist party)	2	30	0	0
5	111905	Tư tưởng Hồ Chí Minh (Ho Chi Minh 's Ideology)	2	30	0	0
6	118901	Pháp luật đại cương (Introduction to laws)	3	45	0	0
7	109945	Tin học cơ bản (Basic Informatics)	3	30	30	0
8	101902	Kinh tế vi mô (Microeconomics)	3	40	10	0
9	101903	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)	3	40	10	0
10	110906	Phương pháp nghiên cứu khoa học (Research Methods in Science)	2	25	10	0
11	115934	Tiếng Trung 1 (Chinese 1)	3	30	30	0
12	115935	Tiếng Trung 2 (Chinese 2)	4	45	30	0
13	115925	Tiếng Anh giao tiếp căn bản (General English)	3	30	30	0
1.1.2. Phần lựa chọn			2	25	10	0
14	110901/1 10935	Dẫn luận ngôn ngữ /Tiếng Việt cơ sở (Introduction to linguistics/ Vietnamese Language)	2	25	10	0
1.2. Giáo dục thể chất (Physical Education)			4	0	120	0
1.2.1. Học phần bắt buộc						
15	119901	Giáo dục thể chất đại cương (Giáo dục thể chất 1)	1	0	30	0
1.2.2. Học phần tự chọn (Chọn 1 trong 2 nhóm học phần)			3	0	90	0
16	119905/ 119902	Cầu lông 1/Bóng chuyền 1 (Giáo dục thể chất 2)	1	0	30	0
17	119906/ 119903	Cầu lông 2/ Bóng chuyền 2 (Giáo dục thể chất 3)	1	0	30	0
18	119907/ 119904	Cầu lông 3/ Bóng chuyền 3 (Giáo dục thể chất 4)	1	0	30	0

TT	Mã học phần	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Số tín chỉ		
				LT/ BT (giờ)	TH/TN /TL (giờ)	TT/ĐA/ KL (giờ)
1.3. Giáo dục Quốc phòng - An ninh (National Defense and Security Education)			8	77	88	0
19	120901	GDQP&AN 1: Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	2	37	8	0
20	120902	GDQP&AN 2: Công tác quốc phòng và an ninh	2	22	8	0
21	120903	GDQP&AN 3: Quân sự chung	2	14	16	0
22	120904	GDQP&AN 4: Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	2	4	56	0
2. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP: 83 TC			83	885	450	500
2.1. Kiến thức cơ sở ngành			25	285	180	0
2.1.1. Phần bắt buộc			19	210	150	0
23	115904	Ngữ âm - âm vị học (Phonetics and Phonology)	3	30	30	0
24	115905	Từ vựng học (Lexicology)	2	25	10	0
25	115906	Ngữ pháp 1 (English Grammar 1)	2	25	10	0
26	115912	Nghe - Nói (Listening - Speaking)	3	30	30	0
27	115908	Đọc - Viết (Reading - Writing)	3	30	30	0
28	115910	Lý thuyết dịch (Theory of Translation)	2	25	10	0
29	115924	Tiếng Anh Cơ bản - Thực hành tổng hợp (General English - Integrated Skills)	4	45	30	0
2.1.2. Phần lựa chọn			6	75	30	0
30	110923/ 105906	Giao thoa văn hoá /Lịch sử Văn minh thế giới (Cross Culture /History of World Civilization)	2	25	10	0
31	110909/ 102907	Văn hóa kinh doanh/Khởi nghiệp (Business Culture/Start-up)	2	25	10	0
32	110929/ 110911	Phân tích diễn ngôn /Cơ sở văn hóa Việt nam (Discourse Analysis/ Vietnamese culture)	2	25	10	0
2.2. Kiến thức chuyên ngành			38	455	230	0

TT	Mã học phần	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Số tín chỉ		
				LT/BT (giờ)	TH/TN /TL (giờ)	TT/ĐA/ KL (giờ)
2.2.1. Phần bắt buộc			32	380	200	0
33	115927	Tiếng Anh thương mại 1 (Business English 1)	2	25	10	0
34	115928	Tiếng Anh thương mại 2 (Business English 2)	2	25	10	0
35	115929	Tiếng Anh thương mại 3 (Business English 3)	2	25	10	0
36	115930	Tiếng Anh thương mại 4 (Business English 4)	2	25	10	0
37	115931	Tiếng Anh thương mại 5 (Business English 5)	3	40	10	0
38	115932	Tiếng Anh thương mại 6 (Business English 6)	3	40	10	0
39	115933	Tiếng Anh thương mại 7 (Business English 7)	3	40	10	0
40	115926	Tiếng Anh Học thuật (Academic English)	3	30	30	0
41	115909	Giao tiếp kinh doanh (Business Communication)	3	40	10	0
42	115915	Thư tín thương mại (Commercial Correspondence)	3	40	10	0
43	115916	Biên dịch (Translation)	3	25	40	0
44	115917	Phiên dịch (Interpretation)	3	25	40	0
2.2.2. Phần lựa chọn			6	75	30	0
45	115913/ 115936	Ngữ pháp 2 /Văn hóa Anh - Mỹ (English Grammar 2 /Culture of English Speaking Countries)	2	25	10	0
46	115914/ 115907	Phiên dịch nâng cao/Biên dịch nâng cao (Advanced Interpretation / Advanced Translation)	2	25	10	0
47	102909/ 110907	Thương mại điện tử / Giao dịch và Đàm phán kinh doanh (Electronic Commerce/ Business Communication and Negotiation)	2	25	10	0
2.3. Kiến thức bổ trợ			10	130	40	0

TT	Mã học phần	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Số tín chỉ		
				LT/ BT (giờ)	TH/TN /TL (giờ)	TT/ĐA/ KL (giờ)
2.3.1. Phần bắt buộc			5	65	20	0
48	101914	Kinh doanh quốc tế (English for International Business)	2	25	10	0
49	115911	Marketing căn bản (Principles of Marketing)	3	40	10	0
2.3.2. Phần lựa chọn			5	65	20	
50	102916/ 102905	Quản trị doanh nghiệp thương mại/ Quản trị kinh doanh (Commercial Enterprise Management /Business Management)	2	25	10	0
51	102908/ 102926	Quản trị nhân lực /Thống kê kinh tế (Human Resource Management / Economic Statistics)	3	40	10	0
2.4. Thực tập tốt nghiệp và Khóa luận tốt nghiệp: 10 TC			10	0	0	500
52	115937	Thực tập tốt nghiệp (Graduation Practice)	4	0	0	200
53	115938	Khoá luận tốt nghiệp (Graduation Thesis)	6	0	0	300
Các học phần thay thế						
53.1	115938.1	Tiếng Anh nâng cao (Advanced English)	3	40	10	0
53.2	115938.2	Giao dịch thương mại quốc tế (International business transaction)	3	40	10	0

Ghi chú:

LT: Lý thuyết

BT: Bài tập

TH: Thực hành

TN: Thí nghiệm

TL: Thảo luận

TT: Thực tập

ĐA: Đồ án

KL: Khóa luận

8.3. Kế hoạch giảng dạy dự kiến

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (Dự kiến)

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Học kỳ									
				1	2	3	4	5	6	7	8		
I. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG													
1	111901	Triết học Mác - Lênin (Philosophy of Marxism and Leninism)	3	x									
2	111902	Kinh tế chính trị Mác - Lênin (Political economics of Marxism and Leninism)	2		x								
3	111903	Chủ nghĩa xã hội khoa học (Scientific socialism)	2			x							
4	111904	Lịch sử của Đảng Cộng sản Việt Nam (History of Vietnamese communist party)	2				x						
5	111905	Tư tưởng Hồ Chí Minh (Ho Chi Minh's Ideology)	2							x			
6	118901	Pháp luật đại cương (Introduction to laws)	3	x									
7	109945	Tin học cơ bản (Basic Informatics)	3	x									
8	101902	Kinh tế vi mô (Microeconomics)	3		x								
9	101903	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)	3			x							
10	110906	Phương pháp NCKH (Research Methods in Science)	2					x					
11	115934	Tiếng Trung 1 (Chinese 1)	3					x					
12	115935	Tiếng Trung 2 (Chinese 2)	4						x				
13	115925	Tiếng Anh giao tiếp căn bản (General English)	3	x									

45	115913/ 115936	Ngữ pháp 2 / Văn hóa Anh - Mỹ (English Grammar 2/ Culture of English Speaking Countries)	2							x													
46	115914/ 115907	Phiên dịch nâng cao/ Biên dịch nâng cao (Advanced Interpretation /Advanced Translation)	2																x				
47	102909/ 110907	Thương mại điện tử/Giao dịch và Đàm phán kinh doanh (Electronic Commerce/Business Communication and Negotiation)	2						x														
48	101924	Kinh doanh quốc tế (English for International Business)	2																x				
49	115911	Marketing căn bản (Principles of Marketing)	3																x				
50	102916/ 102905	Quản trị doanh nghiệp thương mại/Quản trị kinh doanh (Commercial Enterprise Management / Business Management)	2																x				
51	102908/ 102926	Quản trị nhân lực /Thống kê kinh tế (Human Resource Management /Economic Statistics)	3																x				
52	115937	Thực tập tốt nghiệp (Graduation Practice)	4																x				
53	115938	Khoá luận tốt nghiệp (Graduation Thesis)	6																x				
Các học phần thay thế (Replaced subjects)																							
54.1	115938.1	Tiếng Anh nâng cao (Advanced English)	3																x				
54.2	115938.2	Giao dịch thương mại quốc tế (International business transaction)	3																x				
															Tổng số	15	17	19	19	18	18	16	10

TT	Mã học phần	Tên học phần	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)																
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	
1.2. Giáo dục thể chất																			
1.2.1. Học phần bắt buộc																			
1	119901	Giáo dục thể chất đại cương (Giáo dục thể chất 1)							X										
1.2.2. Học phần tự chọn																			
2	119905/ 119902	Cầu lông 1/Bóng chuyền 1 (Giáo dục thể chất 2)																X	
3	119906/ 119903	Cầu lông 2/Bóng chuyền 2 (Giáo dục thể chất 3)																X	
4	119907/ 119904	Cầu lông 3/Bóng chuyền 3 (Giáo dục thể chất 4)																X	
1.3. Giáo dục quốc phòng- an ninh																			
1	120901	GDQP&AN 1: Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	X						X									X	
2	120902	GDQP&AN 2: Công tác quốc phòng và an ninh	X						X									X	
3	120903	GDQP&AN 3: Quân sự chung	X						X									X	
4	120904	GDQP&AN 4: Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	X						X									X	
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp																			
2.1. Kiến thức cơ sở ngành																			
2.1.1. Các học phần bắt buộc																			
1	115904	Ngữ âm - âm vị học		X													X		X
2	115905	Từ vựng học		X													X		X

TT	Mã học phần	Tên học phần	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)															
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
3	115906	Ngữ pháp 1	X			X								X				
4	115912	Nghe - Nói	X	X	X	X	X		X				X	X				
5	115908	Đọc - Viết	X	X	X	X	X		X				X	X				
6	115910	Lý thuyết dịch	X	X	X	X	X		X				X	X				
7	115924	Tiếng Anh Cơ bản - Thực hành tổng hợp	X	X	X	X	X		X				X	X				
2.1.2 Các học phần tự chọn																		
8	110923/ 105906	Giao thoa văn hoá / Lịch sử Văn minh thế giới			X	X	X		X				X	X				
9	110909/ 102907	Văn hóa kinh doanh/Khởi nghiệp			X	X	X		X				X	X				
10	110929/ 110911	Phân tích điển ngôn / Cơ sở văn hóa Việt Nam			X	X	X		X				X	X				
2.2. Kiến thức chuyên ngành																		
2.2.1. Các học phần bắt buộc																		
1	115927	Tiếng Anh thương mại 1	X	X	X	X	X		X				X	X				X
2	115928	Tiếng Anh thương mại 2	X	X	X	X	X		X				X	X				X
3	115929	Tiếng Anh thương mại 3	X	X	X	X	X		X				X	X				X
4	115930	Tiếng Anh thương mại 4	X	X	X	X	X		X				X	X				X
5	115931	Tiếng Anh thương mại 5	X	X	X	X	X		X				X	X				X
6	115932	Tiếng Anh thương mại 6	X	X	X	X	X		X				X	X				X

TT	Mã học phần	Tên học phần	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)															
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
7	115933	Tiếng Anh thương mại 7	X	X	X	X	X	X	X					X	X			X
8	115926	Tiếng Anh học thuật	X	X	X	X	X	X	X					X	X			X
9	115909	Giao tiếp kinh doanh	X	X	X	X	X	X	X					X	X			X
10	115915	Thư tín thương mại	X	X	X	X	X	X	X					X	X			X
11	115916	Biên dịch	X	X	X	X	X	X	X					X	X			X
12	115917	Phiên dịch	X	X	X	X	X	X	X					X	X			X
2.2. Phân tự chọn																		
13	115913/	Ngữ pháp 2 / Văn hóa Anh - Mỹ			X	X												
	115936				X									X				
14	115914/	Phiên dịch nâng cao/Biên dịch nâng cao	X		X	X								X	X			X
	115907				X									X	X			X
15	102909/	Thương mại điện tử/Giao dịch và Đàm phán kinh doanh	X		X	X								X	X			X
	110907				X									X	X			X
2.3. Kiến thức bổ trợ																		
2.3.1. Phân bắt buộc																		
1	101914	Kinh doanh quốc tế	X	X	X	X								X	X			
2	115911	Marketing căn bản	X	X	X	X								X	X			
2.3.2. Phân lựa chọn																		
3	102916/	Quản trị doanh nghiệp thương mại/Quản trị kinh doanh	X		X													
	102905				X									X				

9. Hướng dẫn thực hiện

- Kế hoạch đào tạo chuẩn của chương trình đào tạo là 04 năm, mỗi năm có 02 hoặc 03 học kỳ chính và 01 học kỳ phụ, phương thức tổ chức đào tạo theo tín chỉ.

- Sinh viên nhập học được đăng ký học mặc định trong học kỳ 1, các học kỳ sau sinh viên tự đăng ký học theo kế hoạch giảng dạy của trường. Các học phần được sắp xếp linh hoạt theo từng học kỳ, sinh viên có thể đăng ký học trước hoặc sau các học phần, không bắt buộc theo trình tự của kế hoạch dự kiến nếu đáp ứng các điều kiện của học phần đăng ký.

- Sinh viên có thể học vượt để tốt nghiệp sớm so với kế hoạch đào tạo chuẩn hoặc tốt nghiệp muộn nhưng không quá thời gian đào tạo tối đa theo quy định.

- Nội dung cần đạt được của từng học phần được mô tả trong đề cương chi tiết học phần.

- Khối lượng kiến thức (Lý thuyết/Thảo luận/Thực hành/Tự học) và cách đánh giá học phần được quy định trong đề cương chi tiết mỗi học phần.

- Điều kiện tốt nghiệp: sinh viên tích lũy đủ khối lượng kiến thức của CTĐT, đạt chuẩn đầu ra Tin học và Ngoại ngữ, có chứng chỉ GDQP và AN, hoàn thành các học phần GDTC và các quy định khác của trường.

10. Mô tả tóm tắt nội dung các học phần

10.1. Triết học Mác - Lê Nin

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Là một trong ba bộ phận cấu thành của Chủ nghĩa Mác - Lênin. Đây là môn học bắt buộc trong chương trình các môn lý luận chính trị trong các ngành đào tạo của khối đại học trong cả nước. Học phần Triết học Mác - Lênin cung cấp những kiến thức cơ bản về thế giới quan, phương pháp luận khoa học và cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin thông qua những nguyên lý, quy luật, phạm trù, học thuyết của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử.

10.2. Kinh tế chính trị Mác - Lê Nin

Số tín chỉ: 2 tín chỉ

Là một trong ba bộ phận cấu thành của Chủ nghĩa Mác - Lênin, đây cũng môn học bắt buộc trong chương trình các môn lý luận chính trị trong các ngành đào tạo của khối đại học trong cả nước. Học phần Kinh tế Chính trị Mác - Lênin cung cấp các kiến thức cơ bản của kinh tế chính trị Mác - Lênin và các vấn đề cơ bản, cốt lõi của kinh tế chính trị thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, sự vận dụng vào thực tiễn trong giai đoạn hiện nay.

10.3. Chủ nghĩa xã hội khoa học:

Số tín chỉ: 2 tín chỉ

Học phần cung cấp những tri thức cơ bản, cốt lõi nhất về Chủ nghĩa xã hội khoa học, một trong ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác - Lênin. Nắm vững quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin về giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, về

chủ nghĩa xã hội, thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; bản chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa; cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, dân tộc tôn giáo, vấn đề xây dựng gia đình hiện nay.

10.4. Lịch sử Đảng CSVN

Số tín chỉ: 2 tín chỉ

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam (2/1930); về quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945); lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 - 2018).

10.6. Pháp luật đại cương

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật nhằm hình thành tư duy và phương pháp nhận thức khoa học đúng đắn về tất cả những vấn đề của nhà nước và pháp luật. Đồng thời, giúp sinh viên tìm hiểu và nắm rõ các quy định về hệ thống chính trị nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo Hiến pháp 2013. Một số nội dung cơ bản của pháp luật Dân sự và Tố tụng dân sự, Hình sự và Tố tụng Hình sự, một số nội dung cơ bản của Luật Hôn nhân gia đình, Luật Hành chính và Luật phòng chống tham nhũng.

10.7. Tin học cơ bản

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng cơ bản về công nghệ thông tin như: Các khái niệm cơ bản về Công nghệ thông tin và máy tính, sử dụng hệ điều hành máy tính, soạn thảo văn bản bằng Microsoft Word, xử lý bảng tính bằng Microsoft Excel, trình bày báo cáo bằng Microsoft Powerpoint. Sinh viên có khả năng ứng dụng các kiến thức về công nghệ thông tin đã học để soạn thảo, xử lý dữ liệu, định dạng và in ấn tài liệu, tạo slide để hỗ trợ thuyết trình vấn đề theo nhóm,....

10.8. Kinh tế vi mô

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Học phần Kinh tế vi mô được trình bày với mục tiêu giúp sinh viên nghiên cứu nắm bắt được những nguyên lý kinh tế cơ bản trong Kinh tế học nói chung và Kinh tế vi mô nói riêng. Để đạt được mục tiêu đó, học phần sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các khái niệm thị trường, cung - cầu, cơ giãn của cầu và cung, hành vi người tiêu dùng và doanh nghiệp liên quan đến sản xuất, chi phí, lợi nhuận, từ đó giúp sinh viên có cái nhìn tổng quan về cơ chế hoạt động của thị trường và hình thành giá cả sản phẩm. Hơn nữa, học phần này còn đi vào phân tích các loại cấu trúc thị trường khác nhau và nghiên cứu thất bại thị trường để thấy được ưu nhược điểm của cơ chế thị trường và từ đó nhìn nhận được vai trò điều tiết của chính phủ trong nền kinh tế.

10.9. Kinh tế vĩ mô

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Kinh tế vĩ mô là môn học cơ bản của chuyên ngành kinh tế, nghiên cứu và xem xét nền kinh tế vận hành với tư cách là một tổng thể. Môn học giới thiệu những nguyên lý cơ bản của kinh tế học vĩ mô; sự vận hành của nền kinh tế một nước và sự can thiệp của Chính phủ mỗi quốc gia nhằm đạt được các mục tiêu kinh tế vĩ mô trong từng thời kỳ. Những biến số kinh tế vĩ mô cơ bản bao gồm tổng cung, tổng cầu, thu nhập quốc dân, tổng sản phẩm quốc dân, lạm phát, thất nghiệp, lãi suất, tỷ giá hối đoái... Các chính sách kinh tế vĩ mô quan trọng thể hiện sự điều tiết vĩ mô của Chính phủ như chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ, chính sách ngoại thương... Bằng phương pháp mô hình hóa, môn học sẽ giải thích mối quan hệ giữa các biến số vĩ mô cơ bản trong từng mô hình kinh tế từ đơn giản đến phức tạp, đồng thời nghiên cứu và phân tích trạng thái của nền kinh tế trong ngắn hạn và dài hạn. Sau khi kết thúc học phần, người học sẽ lĩnh hội và nắm bắt được những nguyên lý cơ bản của kinh tế học vĩ mô liên quan đến hạch toán thu nhập quốc dân, các nhân tố quyết định sản lượng, lạm phát và thất nghiệp, lãi suất, tỷ giá hối đoái, cũng như những nguyên lý ban đầu về các chính sách kinh tế vĩ mô của Chính phủ, đồng thời hiểu được sự vận hành của nền kinh tế với tư cách là một tổng thể.

10.10. Phương pháp NCKH

Số tín chỉ: 2 tín chỉ

Học phần phương pháp nghiên cứu khoa học là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương. Học phần cung cấp các kiến thức, kỹ năng về phương pháp nghiên cứu khoa học, cách thức thiết kế nghiên cứu, cách thức sử dụng các phương pháp nghiên cứu, cách thức soạn thảo và thuyết trình kết quả nghiên cứu.

10.11. Tiếng Trung 1

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Học phần Tiếng Trung 1 giúp SV hình thành và phát triển năng lực giao tiếp thông qua rèn luyện các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết. Sau khi hoàn thành chương trình môn Tiếng Trung 1 SV có thể: Giao tiếp đơn giản bằng tiếng Trung Quốc thông qua bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết. Có kiến thức cơ bản và tối thiểu về tiếng Trung Quốc bao gồm ngữ âm, chữ Hán, từ vựng, ngữ pháp; thông qua tiếng Trung Quốc có những hiểu biết ban đầu về đất nước, con người và văn hoá Trung Quốc. Bước đầu hình thành cách học tiếng Trung Quốc hiệu quả, tạo cơ sở cho việc tiếp tục học tiếng Trung Quốc nâng cao hoặc học các ngoại ngữ khác trong tương lai.

10.12. Tiếng Trung 2

Số tín chỉ: 4 tín chỉ

Học phần Tiếng Trung 2 là học phần trong chương trình đào tạo tiếng Trung dành cho sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Các cấu trúc ngữ pháp tiếng Trung như câu liên động, cụm từ định ngữ, câu nghi vấn lựa chọn, định ngữ trong câu, động từ lặp lại, ...; Những từ vựng được sử dụng trong các tình huống hàng ngày để nói về các chủ điểm quen thuộc như các hoạt động giải trí, sở

thích, thói quen hằng ngày, ngày nghỉ; công việc, ăn uống, ốm đau, du lịch, làm khách ở nhà bạn, thăm bệnh nhân; Cách cấu tạo và sử dụng các loại từ vựng như tính từ, trạng từ, đại từ, động từ tình thái, cụm động từ, cách kết hợp từ, quy tắc cấu tạo định ngữ; Các cách phát âm chuẩn; cách nhớ và viết chữ Hán nhanh và đẹp; Các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở mức độ cơ bản và nâng cao. Học phần này tương đương với trình độ HSK3. Học phần này là cơ sở để học tiếp học phần tiếng Trung nâng cao hoặc tiếng Trung chuyên ngành.

10.13. Tiếng Anh giao tiếp căn bản

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Học phần Tiếng Anh giao tiếp căn bản (General English) là học phần đầu tiên trong chương trình đào tạo ngoại ngữ dành cho sinh viên bậc đại học ngành Ngôn ngữ Anh. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các thời thể ngữ pháp cơ bản, thực hành 4 kỹ năng nghe, nói, đọc viết trong các tình huống hàng ngày như con người và nơi chốn, sự sở hữu, cuộc sống hàng ngày, ăn uống, mua và bán, thế giới quanh ta, du lịch...

10.14. Dẫn luận ngôn ngữ/ Tiếng Việt cơ sở

Số tín chỉ: 2 tín chỉ

* Dẫn luận ngôn ngữ: Học phần được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức về ngôn ngữ như: bản chất và chức năng của ngôn ngữ; nguồn gốc và sự phát triển của ngôn ngữ; tín hiệu ngôn ngữ; từ vựng; ngữ âm; ngữ pháp; chữ viết; các ngôn ngữ trên thế giới. Ngoài ra, thông qua học phần này người học còn được rèn luyện một số thao tác, kỹ năng phân tích tổng hợp thông tin hiệu quả và vận dụng các kiến thức đã học vào quá trình học tập, nghiên cứu và giao tiếp.

* Tiếng Việt cơ sở: Học phần được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về lịch sử hình thành và quá trình phát triển của tiếng Việt; củng cố các kiến thức về tiếng Việt như: đoạn văn trong văn bản, đặt câu trong văn bản; dùng từ trong văn bản; chính tả trong văn bản tiếng Việt. Thông qua đó, rèn luyện cho sinh viên kỹ năng phân tích, tổng hợp thông tin hiệu quả và vận dụng tiếng Việt vào quá trình học tập, nghiên cứu và giao tiếp.

10.15. Giáo dục thể chất đại cương (Giáo dục thể chất 1)

Số tín chỉ: 1 tín chỉ

Sơ lược khái niệm, mục đích, ý nghĩa và nhiệm vụ của sinh viên trong giáo dục thể chất ở trường học, sơ lược về lịch sử ra đời và phát triển môn điền kinh, luật điền kinh. Đặc điểm, tác dụng tập luyện bài tập thể dục tay không, chạy cự ly ngắn, các bài tập phát triển thể lực chung. Phương pháp tổ chức tập luyện và thi đấu.

10.16. Cầu lông 1/Bóng chuyền 1 (Giáo dục thể chất 2)

Số tín chỉ: 1 tín chỉ

Sơ lược lịch sử ra đời và phát triển môn Cầu lông. Đặc điểm, tác dụng của tập luyện Cầu lông. Luật Cầu lông. Các kỹ thuật cơ bản: di chuyển; phát cầu; đánh cầu thấp tay phải,

trái; đánh cầu cao tay phải, trái; đánh cầu cao, xa; đập cầu (tay không, có cầu). Phương pháp tổ chức tập luyện, thi đấu. Phát triển thể lực chung và chuyên môn.

10.17. Cầu lông 2/Bóng chuyền 2 (Giáo dục thể chất 3)

Số tín chỉ: 1 tín chỉ

Sơ lược lịch sử ra đời và phát triển môn Cầu lông. Đặc điểm, tác dụng của tập luyện Cầu lông. Luật Cầu lông. Các kỹ thuật cơ bản: di chuyển; phát cầu; đánh cầu thấp tay phải, trái; đánh cầu cao tay phải, trái; đánh cầu cao, xa; đập cầu (tay không, có cầu). Phương pháp tổ chức tập luyện, thi đấu. Phát triển thể lực chung và chuyên môn.

10.18. Cầu lông 3/Bóng chuyền 3 (Giáo dục thể chất 4)

Số tín chỉ: 1 tín chỉ

Sơ lược lịch sử ra đời và phát triển môn Cầu lông. Đặc điểm, tác dụng của tập luyện Cầu lông. Luật Cầu lông. Các kỹ thuật cơ bản: di chuyển; phát cầu; đánh cầu thấp tay phải, trái; đánh cầu cao tay phải, trái; đánh cầu cao, xa; đập cầu (tay không, có cầu). Phương pháp tổ chức tập luyện, thi đấu. Phát triển thể lực chung và chuyên môn.

10.19. GDQP&AN1

Số tín chỉ: 2 tín chỉ

Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam: Giúp sinh viên nắm bắt được những vấn đề cơ bản Học thuyết Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; các quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang, nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; các quan điểm của Đảng về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh. Học phần giành thời lượng nhất định giới thiệu một số nội dung cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kỳ.

10.20. GDQP&AN2

Số tín chỉ: 2 tín chỉ

Công tác quốc phòng và an ninh: Giúp sinh viên nắm bắt được những vấn đề cơ bản về Phòng chống chiến lược; diễn biến hòa bình, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam, Phòng chống địch tiến công hoá lực bằng vũ khí công nghệ cao, Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên công nghiệp quốc phòng, Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia, Một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam, Những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, Những vấn đề cơ bản về đấu tranh phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội

10.21. GDQP&AN3

Số tín chỉ: 2 tín chỉ

Quân sự chung: Nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về tác phong, đội hình đội ngũ trong quá trình tập luyện, bản đồ địa hình quân sự, các phương tiện chỉ huy để phục vụ cho nhiệm vụ học tập chiến thuật và chỉ huy chiến đấu; tính năng, tác dụng,

cấu tạo, sử dụng, bảo quản các loại vũ khí bộ binh; đặc điểm tính năng; phòng chống vũ khí hạt công nghệ cao và phương pháp xử lý; luyện tập đội hình lớp, khối để sinh viên tham gia hội thao điền kinh, thể thao quốc phòng.

10.22. GDQP&AN4

Số tín chỉ: 2 tín chỉ

Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật: Nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về từng người trong chiến đấu tiến công, từng người trong chiến đấu phòng ngự, kỹ thuật sử dụng súng tiểu liên AK; kỹ thuật ném lựu đạn....

10.23. Ngữ âm - âm vị học

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Học phần Ngữ âm - âm vị học tiếng Anh (Phonics and phonology) bao gồm các bài lý thuyết liên quan đến những kiến thức cơ bản về ngữ âm, âm vị học Tiếng Anh như hệ thống ngữ âm, âm vị, mô tả phân loại âm, các quy luật biến đổi âm vị, trọng âm, ngữ điệu. Ngoài ra học phần cũng cung cấp cho người học kiến thức toàn diện về phát âm, giúp cho sinh viên phát âm chính xác, phân tích và tự sửa lỗi phát âm cho bản thân từ đó nghe hiểu được người bản ngữ nói chuyện. Sinh viên sẽ được cải thiện kỹ năng phát âm một cách bài bản nhất, có khả năng phát âm rõ ràng và có ngữ điệu khi giao tiếp cùng với kiến thức nền tảng về phát âm, những ứng dụng thực tế trong cuộc sống đã được giảng dạy trong các bài học.

10.24. Từ vựng học

Số tín chỉ: 2 tín chỉ

Học phần Từ vựng học là học phần thứ ba trong hệ thống kiến thức cơ sở ngành Ngôn ngữ Anh, khối ngành Tiếng Anh thương mại. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Khái niệm từ vựng học, đối tượng nghiên cứu của từ vựng học và mục đích của học phần; Khái niệm từ, cách cấu tạo từ, từ loại và một số cách cấu tạo từ chủ yếu; Khái niệm nghĩa của từ, các loại thành tố ngữ nghĩa, ngữ cảnh, sự phát triển của nghĩa mới, ẩn dụ, hoán dụ; Hiện tượng đa nghĩa và đồng âm, đồng nghĩa và trái nghĩa; Từ nguyên học, nguồn gốc của từ tiếng Anh, từ mượn.

10.25. Ngữ pháp 1

Số tín chỉ: 2 tín chỉ

Học phần Ngữ pháp 1 thuộc khối kiến thức ngành nằm trong chương trình đào tạo dành cho sinh viên chuyên ngữ ngành Ngôn ngữ Anh. Học phần giới thiệu cho sinh viên những nội dung cơ bản về ngữ pháp Tiếng Anh, những khái niệm và cách phân tích danh từ, cụm danh từ, đại từ, tính từ, trạng từ, động từ và cụm động từ trong Tiếng Anh. Học phần là tiền đề giúp sinh viên học tiếp học phần Ngữ pháp 2.

10.26. Nghe - Nói

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Học phần Nghe - Nói (Listening - Speaking) giúp sinh viên thực hành kỹ năng nghe thông qua các cuộc họp và hội nghị, giao dịch qua điện thoại, mua sắm, đặt phòng khách sạn...; Nghe hiểu đoạn hội thoại về các chủ đề liên quan đến thông tin cá nhân, lên kế

hoạch, tiến trình công việc tại văn phòng, một cuộc nói chuyện liên quan đến thông báo, lời phát biểu, quảng cáo...; Sinh viên được thực hành kỹ năng nói thông qua các hoạt động miêu tả bức tranh, nghe và trả lời các câu hỏi về các chủ đề quen thuộc hàng ngày, trả lời câu hỏi sử dụng gợi ý sẵn, đề xuất một giải pháp cho một vấn đề tại nơi làm việc, đưa ra ý kiến về một chủ đề cụ thể như đi lại và giao thông, nhà cửa, sức khỏe, các vấn đề ở nơi làm việc...

10.27. Nghe - Nói

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Học phần Đọc - Viết (Reading - Writing) cung cấp cho sinh viên các kiến thức, kỹ năng làm bài đọc hiểu về các vấn đề liên quan đến môi trường doanh nghiệp như các tình huống ở văn phòng, các vấn đề tài chính, sales và marketing, giao dịch thương mại, đi lại, du lịch, giải trí, thư tín, quảng cáo...sau đó làm các bài tập về lấy ý chính, tìm thông tin chi tiết, nội dung chính của bài đọc và các bài tập liên quan đến ngữ pháp và từ vựng. Ngoài ra, sinh viên được thực hành kỹ năng viết thông qua một số hoạt động như viết câu dựa vào gợi ý (một bức tranh) về các chủ đề thông dụng như gặp gỡ đồng nghiệp, làm công việc văn phòng, nấu ăn, sử dụng phương tiện giao thông công cộng, đi lại, làm việc tại ngân hàng, mua sắm...; viết thư trả lời liên quan các chủ điểm như lên lịch hẹn, lên kế hoạch các buổi họp, yêu cầu sửa chữa, phàn nàn...; viết một đoạn văn thể hiện quan điểm về các vấn đề tại nơi làm việc, lựa chọn sự nghiệp, giáo dục, gia đình, tình bạn...

10.28. Lý thuyết dịch

Số tín chỉ: 2 tín chỉ

Lý thuyết dịch là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành thuộc chương trình đào tạo Ngôn ngữ Anh - chuyên ngành Tiếng Anh thương mại. Học phần bao gồm nội dung lý thuyết dịch Biên dịch và lý thuyết Phiên dịch. Học phần cung cấp: các khái niệm về biên dịch, lịch sử biên dịch, các thành tố tham gia trong quá trình biên dịch, các phương pháp và chiến lược trong biên dịch, các khái niệm về phiên dịch, phân biệt các loại hình biên dịch, các phương pháp, kỹ thuật và kỹ năng phiên dịch, cách thức luyện tập nhằm nâng cao kỹ năng biên, phiên dịch. Học phần là cơ sở để sinh viên có thể tiếp cận học phần Biên dịch và Phiên dịch.

10.29. Tiếng Anh Cơ bản - Thực hành tổng hợp

Số tín chỉ: 4 tín chỉ

Học phần tiếng Anh Cơ bản - Thực hành tổng nhằm giúp sinh viên tiếp cận, làm quen và thực hành với những thuật ngữ, cấu trúc, tình huống trong giao tiếp kinh doanh và đàm phán thương mại. Học phần cung cấp cho sinh viên: Các cấu trúc câu thường sử dụng trong các văn bản, tài liệu kinh tế như câu điều kiện, câu bị động, mệnh đề quan hệ, mệnh đề thời gian, ...; Những thuật ngữ liên quan đến các chủ điểm như kỹ năng nghề nghiệp, bán hàng online, đưa ra các ý tưởng kinh doanh, hoạch định, quản lý nhân sự, lập doanh nghiệp, chiến lược quảng bá sản phẩm...; Các bài tập thực hành với các “case study” thực tế trong kinh doanh.

10.30. Giao thoa văn hoá / Lịch sử Văn minh thế giới

Số tín chỉ: 2 tín chỉ

* Giao thoa văn hoá: Học phần Giao thoa văn hóa thuộc kiến thức cơ sở ngành, là học phần tự chọn. Học phần trang bị kiến thức nền tảng về văn hóa và những yếu tố văn hóa ảnh hưởng đến sự giao tiếp giữa những người đến từ nhiều nền văn hóa khác nhau. Học phần giúp nâng cao hiểu biết của sinh viên về mối liên hệ giữa ngôn ngữ và giao tiếp, cũng như giúp người học nhận biết được sự ảnh hưởng của các yếu tố cơ bản của văn hóa đến việc giao tiếp giữa những người có nền tảng văn hóa khác nhau.

* Lịch sử Văn minh thế giới: Môn Lịch sử văn minh thế giới giúp sinh viên nắm được những khái niệm cơ bản về văn minh, phân biệt được các khái niệm văn minh với văn hiến, văn vật và văn hóa. Có kiến thức cơ bản về các nền văn minh lớn trên thế giới như văn minh Ai Cập, Luống Hà, Ấn Độ, Trung Quốc, Hy Lạp cổ đại, văn minh Tây Âu thời trung đại và văn minh thế kỷ XX. Nhận biết và đi sâu tìm hiểu những thành tựu của các nền văn minh về các mặt như thiên văn học, toán học, tôn giáo, chữ viết, văn học, kiến trúc... giúp sinh viên có cái nhìn tổng quan, mở mang kiến thức về lịch sử văn minh thế giới.

10.31. Văn hóa kinh doanh/ Khởi nghiệp**Số tín chỉ: 2 tín chỉ**

* Văn hóa kinh doanh: Học phần được thiết kế nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về văn hóa kinh doanh và những kỹ năng cần thiết để tổ chức, ứng dụng và phát triển các kiến thức về văn hóa kinh doanh trong hoạt động kinh doanh.

* Khởi nghiệp: Học phần trang bị kiến thức cơ bản về khởi nghiệp và hệ sinh thái khởi nghiệp; Ý tưởng và cơ hội kinh doanh; Mô hình kinh doanh; Kế hoạch kinh doanh; Khởi nghiệp, Vận hành doanh nghiệp. Ngoài ra học phần còn nhằm nâng cao nhận thức về trách nhiệm của một doanh nhân đối với sự phát triển nền kinh tế của đất nước, đối với khách hàng mà doanh nghiệp phục vụ và với cả cộng đồng dân cư thuộc địa bàn hoạt động của doanh nghiệp.

10.33. Tiếng Anh thương mại 1**Số tín chỉ: 2 tín chỉ**

Học phần Tiếng Anh thương mại 1 thuộc kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh - chuyên ngành Tiếng Anh thương mại. Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức Tiếng Anh chuyên ngành thương mại về các chủ đề: tích lũy kinh nghiệm cá nhân và sự thỏa mãn của khách hàng. Học phần trang bị kiến thức về ngữ pháp như: thì hiện tại đơn, thì hiện tại tiếp diễn, cách diễn đạt sự đồng ý, trình bày quan điểm cá nhân, đưa ra yêu cầu, đề nghị, lời mời; trang bị kiến thức từ vựng theo chủ đề như: gặp gỡ tại hội thảo, dịch vụ khách hàng; phân biệt được sự khác nhau giữa cách viết thư trang trọng và thư thân mật. Qua đó sinh viên có thể hiểu rõ được những nét văn hóa của doanh nghiệp và cách chăm sóc khách hàng trong kinh doanh. Học phần là tiền đề giúp sinh viên tiếp tục học học phần Tiếng Anh thương mại 2.

10.34. Tiếng Anh thương mại 2**Số tín chỉ: 2 tín chỉ**

Học phần Tiếng Anh thương mại 2 thuộc kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh - chuyên ngành Tiếng Anh thương mại. Học phần gồm 2 chương và được chia thành 10 bài học nhỏ cung cấp cho sinh viên kiến thức Tiếng Anh chuyên ngành Thương Mại về các chủ đề “Sản phẩm và quy trình” và “Phỏng vấn việc làm và nghề nghiệp”. Chương I tập trung vào các vấn đề liên quan đến các kiến thức về quản lý chuỗi cung ứng sản phẩm, chu kỳ chuỗi cung ứng và tuổi thọ của sản phẩm, cách trình bày quy trình đặt và trả hàng; Chương 2 cung cấp cho sinh viên một số phương pháp để trả lời phỏng vấn và cách viết CV xin việc hiệu quả. Bên cạnh đó, học phần còn cung cấp cho sinh viên những kiến thức Ngữ pháp cơ bản như các loại giới từ, câu bị động thời hiện tại, thời quá khứ đơn và quá khứ tiếp diễn... cũng như giúp sinh viên rèn luyện và củng cố các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết. Học phần là tiền đề giúp sinh viên học tiếp học phần Tiếng Anh Thương Mại 3, 4, 5, 6, 7.

10.35. Tiếng Anh thương mại 3

Số tín chỉ: 2 tín chỉ

Học phần Tiếng Anh thương mại 3 thuộc kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh - chuyên ngành Tiếng Anh thương mại. Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về marketing, bán hàng, quảng cáo và doanh nghiệp. Ngoài ra, học phần này cũng giúp củng cố kiến thức ngữ pháp của sinh viên về các dạng câu so sánh và động từ khuyết thiếu. Qua các bài học sinh viên có cơ hội rèn luyện kỹ năng thuyết phục, kỹ năng lắng nghe và bày tỏ quan điểm trong cuộc họp, đặc biệt được làm quen với các diễn đạt nguyên nhân và kết quả, cách viết biên bản cuộc họp.

10.36. Tiếng Anh thương mại 4

Số tín chỉ: 2 tín chỉ

Học phần Tiếng Anh thương mại 4 thuộc kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh - chuyên ngành Tiếng Anh thương mại. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức về các chi phí kinh doanh, thương mại toàn cầu. Ngoài ra, học phần này cũng giúp củng cố kiến thức ngữ pháp về thì tương lai đơn, câu điều kiện loại 1, thì hiện tại hoàn thành. Qua các bài học sinh viên có cơ hội rèn luyện kỹ năng đàm phán kinh doanh, kỹ năng thuyết trình về tiến độ dự án.

10.37. Tiếng Anh thương mại 5

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Học phần Tiếng Anh thương mại 5 thuộc kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh - chuyên ngành Tiếng Anh thương mại. Học phần gồm 3 chương và được chia nhỏ thành 15 bài học, cung cấp cho sinh viên kiến thức Tiếng Anh chuyên ngành thương mại về các chủ đề như văn hóa doanh nghiệp, hỗ trợ khách hàng, sản phẩm và đóng gói sản phẩm. Thông qua các bài học, sinh viên có thể hiểu rõ được những nét văn hoá của doanh nghiệp, những quy tắc hay luật bất thành văn trong doanh nghiệp và cách chăm sóc khách hàng trong kinh doanh, các giai đoạn phát triển sản phẩm và biết cách làm cho sản phẩm trở nên thu hút hơn đối với đối tượng người mua và người tiêu dùng.

10.38. Tiếng Anh thương mại 6

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Học phần Tiếng Anh thương mại 6 thuộc kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh - chuyên ngành Tiếng Anh thương mại. Học phần được thiết kế nhằm cung cấp và củng cố vốn từ vựng và ngữ pháp, luyện tập các kỹ năng Tiếng Anh liên quan đến các chủ điểm thường gặp trong môi trường thương mại như: nghề nghiệp, thương mại điện tử, trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp. Đồng thời, học phần cũng cung cấp một số kỹ năng mềm cho người học như: xác định động cơ, mục tiêu nghề nghiệp, định hướng việc làm, kỹ năng phỏng vấn xin việc, cách viết đơn xin việc, sơ yếu lý lịch; kỹ năng đàm phán, lắng nghe và ngắt lời trong các cuộc họp; cách viết báo cáo đề xuất và biên bản cuộc họp.

10.39. Tiếng Anh thương mại 7

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Học phần Tiếng Anh thương mại 7 thuộc kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh - chuyên ngành Tiếng Anh thương mại. Học phần gồm 3 chương được chia thành 15 bài học nhỏ cung cấp cho sinh viên kiến thức về các chủ đề “Sát nhập và thu tóm công ty”, “Thương mại quốc tế” và “Phát triển sự nghiệp cá nhân”. Học phần Tiếng Anh thương mại 7 cũng giúp sinh viên củng cố các kiến thức ngữ pháp về thì quá khứ, hiện tại và tương lai của động từ, các giới từ cũng như rèn luyện kỹ năng thuyết trình và đàm phán thương mại quốc tế. Ngoài ra sinh viên cũng được trau dồi cách thiết kế, các nguyên tắc cũng như phương pháp trình bày slide khi thuyết trình; cách viết một số loại thư tín thương mại để yêu cầu, nhắc nhở đối tác về việc thanh toán đơn hàng; cách viết thư xin việc; trình bày lý do trong buổi phỏng vấn xin việc.

10.40. Tiếng Anh Học thuật

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Học phần Tiếng Anh học thuật là một trong những học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức chuyên ngành. Học phần được thiết kế nhằm tiếp tục củng cố phần kiến thức và kỹ năng ở trình độ trung cấp và nâng cao với nội dung ngôn ngữ hàn lâm, với phương pháp kích thích tính chủ động trong học tập, tạo sự tự tin trong giao tiếp, giúp người học có thể tham gia tốt vào các hoạt động học tập trong các khoá học chuyên ngành giảng bằng tiếng Anh, đồng thời giúp người học tự tin hơn trong môi trường làm việc sau này.

10.41. Giao tiếp kinh doanh

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Học phần Giao tiếp kinh doanh tập trung giới thiệu cho sinh viên các nguyên lý cơ bản của giao tiếp trong kinh doanh, hiểu được sự khác biệt của giao tiếp trong kinh doanh so với giao tiếp xã hội thông thường, và giúp sinh viên phát triển kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh như: giao tiếp qua điện thoại, tổ chức các cuộc họp, đàm phán, thuyết trình... Học phần được xây dựng và giảng dạy theo định hướng thực hành, với các tình huống giao tiếp gần giống với thực tế nhằm trang bị cho sinh viên những kỹ năng cần thiết để sớm hoà nhập vào môi trường làm việc sau khi tốt nghiệp.

10.42. Thư tín thương mại**Số tín chỉ: 3 tín chỉ**

Học phần Thư tín thương mại là một trong những học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức chuyên ngành. Học phần được thiết kế nhằm cung cấp và củng cố kỹ năng viết Tiếng Anh thương mại ở mức độ cao cấp với các loại thư tín thương mại đa dạng như: thư điện tử, thư chào hàng, báo giá, đặt hàng, khiếu nại và giải quyết khiếu nại, viết hóa đơn, quảng cáo việc làm, viết đơn xin việc, sơ yếu lý lịch, đảm bảo đúng thể thức của từng loại và văn phong phù hợp. Từ đó, người học có thể tự tin hoàn thiện các thư tín thương mại trong môi trường làm việc sau này.

10.43. Biên dịch**Số tín chỉ: 3 tín chỉ**

Học phần Thực hành Biên dịch thuộc khối kiến thức chuyên ngành. Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức căn bản về phương pháp và kỹ thuật chuyển ngữ trong các lĩnh vực liên quan đến thương mại, kinh tế, luật pháp, văn hóa xã hội. Các tài liệu học được sử dụng từ các báo cáo khoa học, trích đoạn sách/giáo trình chuyên ngành, các bài viết học thuật, hợp đồng và báo cáo trong doanh nghiệp có độ dài 200-300 từ. Sinh viên không chỉ giải quyết sự tương đương giữa hai ngôn ngữ mà còn phải tìm mức độ tương đương giữa khái niệm và giao thoa văn hóa trong quá trình dịch thuật. Học phần là cơ sở giúp sinh viên tiếp cận học phần Biên dịch nâng cao.

10.44. Phiên dịch**Số tín chỉ: 3 tín chỉ**

Học phần Thực hành phiên dịch giới thiệu cho sinh viên các kỹ năng dịch khác nhau như dịch cabin, dịch duỗi, dịch tháp tùng... Học phần cũng cung cấp cơ hội cho sinh viên rèn luyện kỹ năng dịch theo chủ đề: kinh tế - thương mại, chính trị xã hội, văn hóa, ngoại giao, giáo dục, y tế ... Tài liệu sử dụng cho học phần này là các tin tức thời sự về những tình hình đang xảy ra ở thời điểm hiện tại nhằm đảm bảo tính cập nhật và thực tiễn cho sinh viên.

10.45. Ngữ pháp 2 / Văn hóa Anh - Mỹ**Số tín chỉ: 2 tín chỉ**

Học phần Ngữ pháp 2 thuộc khối kiến thức ngành nằm trong chương trình đào tạo dành cho sinh viên chuyên ngữ ngành Ngôn ngữ Anh. Học phần giới thiệu cho sinh viên những nội dung ngữ pháp Tiếng Anh chuyên sâu, những khái niệm và cách phân tích giowis từ và cụm giới từ trong Tiếng Anh, từ nối, từ cảm thán, các kiểu câu đơn, câu ghép, câu phức và phân tích câu, các kiểu câu và phép chấm câu trong tiếng Anh. Sau khi kết thúc học phần Ngữ pháp 2 sinh viên có kiến thức đạt chuẩn bậc 4 theo khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam và tương đương. Học phần là tiền đề giúp sinh viên học tiếp học phần kiến thức chuyên ngành.

* Học phần Văn hóa Anh – Mỹ thuộc khối kiến thức chuyên ngành nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đất nước, con người và những nét văn hoá đặc trưng của Anh quốc và Hợp chủng quốc Hoa Kỳ. Môn học gồm các phần về đất nước, lịch

sử phát triển của dân tộc, ngôn ngữ và các giá trị văn hoá truyền thống, về thể chế chính trị, kinh tế, xã hội, gia đình và đời sống xã hội cộng đồng; về pháp luật, giáo dục, thể thao và lễ hội... làm cơ sở cho việc học tập và nghiên cứu ngôn ngữ Anh - Mỹ một cách hệ thống và có hiệu quả và nắm vững kiến thức tiếng Anh phục vụ cho công tác chuyên môn.

10.46. Phiên dịch nâng cao/ Biên dịch nâng cao

Số tín chỉ: 2 tín chỉ

* Phiên dịch nâng cao: Học phần giúp sinh viên thực hành kỹ năng dịch và tìm hiểu các kiến thức chuyên ngành cơ bản và thiết yếu liên quan đến lĩnh vực thương mại, các thành phần kinh tế trong xã hội, cơ cấu quản lý, sự đa dạng văn hóa trong môi trường doanh nghiệp, tuyển dụng, nhân sự đến các hoạt động tiếp thị quảng bá, kinh doanh sản phẩm, dịch vụ,...

* Biên dịch nâng cao: Học phần Biên dịch nâng cao thuộc khối kiến thức chuyên ngành, là học phần tự chọn. Học phần giúp nâng cao kỹ năng biên dịch của sinh viên về các vấn đề liên quan tới kinh tế, thương mại trong các tình huống liên quan đến công việc. Học phần cung cấp cho sinh viên vốn từ vựng nâng cao về các lĩnh vực như: quản trị kinh doanh, marketing, đầu tư, thương mại, tài chính nhằm giúp sinh viên tiến gần tới thực tế nghề nghiệp. Các tài liệu được sử dụng gồm các báo cáo khoa học, trích đoạn sách/giáo trình chuyên ngành, các bài viết học thuật, hợp đồng và báo cáo trong doanh nghiệp có độ dài 700-1000 từ.

10.47. Thương mại điện tử/ Giao dịch và Đàm phán kinh doanh

Số tín chỉ: 2 tín chỉ

* Thương mại điện tử: Học phần này cung cấp kiến thức tổng quát về lịch sử ra đời và xu hướng phát triển, lợi ích cũng như hạn chế của thương mại điện tử; các mô hình kinh doanh phổ biến và những ứng dụng của thương mại điện tử; Marketing điện tử, thanh toán điện tử và các vấn đề về rủi ro thường gặp cũng như đạo đức trong thương mại điện tử.

* Giao dịch và Đàm phán kinh doanh: Học phần Giao dịch và đàm phán kinh doanh cung cấp cho người học những kiến thức về giao tiếp, văn hóa của con người trong lĩnh vực kinh tế; nghiên cứu hoạt động đàm phán trong kinh doanh, những kỹ thuật tổ chức đàm phán; những phương pháp và phong cách lãnh đạo, các kỹ năng lãnh đạo nhằm mang lại thành công trong công việc nói chung và trong giao dịch và đàm phán kinh doanh nói riêng.

10.48. Kinh doanh quốc tế

Số tín chỉ: 2 tín chỉ

Học phần kinh doanh quốc tế đề cập đến các vấn đề lý luận và thực tiễn của các doanh nghiệp trong và ngoài nước khi tham gia kinh doanh quốc tế. Nội dung cơ bản của học phần là giới thiệu về các hình thức kinh doanh quốc tế, các yếu tố môi trường ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh quốc tế, các hình thức và các phương thức thâm nhập thị trường quốc tế, các yếu tố liên quan đến hoạt động kinh doanh quốc tế của các doanh nghiệp như tỷ giá hối đoái, nghiệp vụ kinh doanh hối đoái... Qua đó giúp sinh viên có những kiến thức và hiểu biết thực tế về doanh nghiệp tham gia kinh doanh quốc tế. Đồng thời sinh viên sẽ được rèn luyện các kỹ năng cần thiết để sau khi ra trường có thể tham gia vào hoạt động

kinh doanh quốc tế một cách chủ động và tích cực trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế đang diễn ra ngày càng sâu rộng trên toàn thế giới.

10.49. Marketing căn bản

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Học phần giới thiệu cho sinh viên các khái niệm cơ bản của marketing, vai trò của marketing trong một tổ chức; những nội dung cần tìm hiểu về thị trường, công ty và chiến lược marketing, môi trường marketing, chiến lược marketing định hướng khách hàng, hành vi người tiêu dùng, sản phẩm, giá cả và thương hiệu... Học phần cung cấp các khái niệm một lượng từ vựng, cấu trúc cơ bản trong ngành marketing để sinh viên có thể đọc tham khảo tài liệu, sách báo chuyên ngành về marketing bằng tiếng Anh phục vụ chuyên môn.

10.50. Quản trị doanh nghiệp thương mại/ Quản trị kinh doanh

Số tín chỉ: 2 tín chỉ

* Quản trị doanh nghiệp thương mại: Học phần Quản trị doanh nghiệp thương mại cung cấp kiến thức cơ bản về kinh doanh thương mại trong nền kinh tế thị trường và trong đặc thù nền kinh tế Việt Nam. Học phần đi sâu vào nghiên cứu đặc điểm, chức năng và nhiệm vụ của doanh nghiệp thương mại, môi trường kinh doanh và kỹ thuật phân tích môi trường kinh doanh của doanh nghiệp thương mại. Kiến thức về các nghiệp vụ cơ bản trong một doanh nghiệp thương mại như: Những vấn đề cơ bản về thương mại và kinh doanh thương mại; Quản trị tạo nguồn, mua hàng của doanh nghiệp thương mại; Quản trị dự trữ hàng hóa của doanh nghiệp thương mại; Quản trị bán hàng và dịch vụ khách hàng ở doanh nghiệp thương mại; Xúc tiến thương mại trong hoạt động kinh doanh thương mại.

* Quản trị kinh doanh: Học phần Quản trị kinh doanh là môn khoa học về quản trị kinh doanh. Học phần quản trị kinh doanh kế thừa, phát triển các lý thuyết cơ bản về khoa học quản trị kinh doanh có tính đến các điều kiện thực tiễn của Việt Nam nhằm cùng với các môn học bổ trợ khác trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng cần thiết để sau khi tốt nghiệp họ có thể thực hiện các hoạt động quản trị trong doanh nghiệp.

10.51. Quản trị nhân lực / Thống kê kinh tế

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

* Quản trị nhân lực: Quản trị nhân lực là chức năng quan trọng không thể thiếu trong bất kỳ tổ chức nào. Tất cả các nhà quản trị đều tham gia nhiều hay ít vào công tác quản trị nhân lực. Học phần này cung cấp những nội dung kiến thức cơ bản nhất về: các khái niệm liên quan đến Quản trị nhân lực, vai trò, chức năng quản trị nhân lực trong tổ chức; những ảnh hưởng, ràng buộc của pháp luật, công nghệ, môi trường cạnh tranh tới quản trị nhân lực; lập kế hoạch nhân lực; phân tích công việc và thiết kế công việc; xây dựng chính sách và tổ chức tuyển dụng; đào tạo & phát triển nhân viên, đánh giá thành tích công tác của nhân viên, trả công lao động, các quan hệ lao động.

* Thống kê kinh tế: Khái niệm cơ bản trong thống kê; các phương pháp điều tra thống kê nhằm thu thập thông tin ban đầu về hiện tượng nghiên cứu; các phương pháp xử lý, tổng hợp và trình bày các thông tin đã thu thập; các phương pháp phân tích thống kê: hồi quy

tương quan, dãy số thời gian, chỉ số làm cơ sở cho dự đoán các mức độ của hiện tượng trong tương lai; các kiến thức về hệ thống tài khoản quốc gia; hệ thống các chỉ tiêu thống kê về kinh tế - xã hội, nhằm giúp cho việc ra quyết định ở tầm vĩ mô và vi mô.

10.52. Thực tập tốt nghiệp

Số tín chỉ: 4 tín chỉ

Thực tập tốt nghiệp chuyên ngành là học phần sinh viên được tập sự, tiếp cận thực tế. Trong quá trình thực tập viên tiếp thu kiến thức và hoàn thành báo cáo thực tập theo những quy định về nội dung và hình thức của Khoa. Tại đơn vị thực tập, sinh viên vận dụng các kiến thức, kỹ năng đã được trang bị theo ngành vào tìm hiểu và tiếp tục học từ thực tiễn hoạt động của đơn vị, thực hiện công việc theo phân công của đơn vị để rèn luyện thực tế và tìm hiểu sâu hơn về các lĩnh vực thuộc chuyên ngành đào tạo.

10.53. Khóa luận tốt nghiệp

Số tín chỉ: 6 tín chỉ

Khóa luận tốt nghiệp là công trình nghiên cứu về một đề tài cụ thể của sinh viên. Khóa luận tốt nghiệp giúp sinh viên tiếp cận, tìm hiểu hoạt động thực tiễn, giúp tăng cường và rèn luyện kỹ năng nghiên cứu khoa học, áp dụng phương pháp nghiên cứu khoa học vào thực tiễn. Khóa luận tốt nghiệp của ngành Ngôn ngữ Anh được viết bằng tiếng Anh.

10. 53.1. Tiếng Anh nâng cao (Advanced English)

Học phần Tiếng Anh nâng cao là học phần thay thế trong chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh. Học phần gồm 6 bài học với các chủ đề kinh tế thương mại khác nhau như: cách tạo ấn tượng trong bài thuyết trình, đào tạo đội ngũ nhân viên tập sự, ý thức của doanh nghiệp về nguồn năng sạch, tiếp thị, xu hướng việc làm, và đạo đức trong kinh doanh.

Học phần này được thiết kế nhằm giúp sinh viên hoàn thiện các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết ở mức độ nâng cao; Đồng thời, sinh viên có cơ hội để nâng cao tư duy phản biện. Trong quá trình học, sinh viên cũng tham gia thảo luận với giảng viên và các sinh viên khác trong lớp, làm việc nhóm, thuyết trình về các chủ đề của bài đọc.

Học phần tương đương với trình độ C1 theo Khung tham chiếu châu Âu

10.53.2. Giao dịch thương mại quốc tế (International business transaction)

Học phần Giao dịch thương mại quốc tế là học phần thay thế trong chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh. Học phần giới thiệu đến sinh viên các kiến thức chủ yếu đối với giao dịch buôn bán hàng hóa quốc tế. Giúp sinh viên tìm hiểu sâu về các nội dung cơ bản của một hợp đồng thương mại thường được sử dụng, đàm phán ký kết hợp đồng ngoại thương, trình tự thực hiện hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế, thủ tục làm việc và các chứng từ liên quan trong quá trình xuất nhập khẩu hàng hóa phù hợp với luật pháp quốc tế và Việt Nam.

Môn học được thiết kế cân bằng giữa mục tiêu cung cấp kiến thức lý thuyết căn bản, các tập quán và kỹ năng trong giao dịch thương mại quốc tế cũng như mục tiêu nghiên cứu ở bậc học cao hơn tại Việt Nam và trên thế giới.